TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **118**/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cơ Minh;

2. Ông Nguyễn Đức Binh.

-Thư ký phiên tòa: Trịnh Văn Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2024/TLST- DS, ngày 15/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2024/QĐXXST-DS ngày 6/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2024/QĐST-DS, ngày 24/9/2024; giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1980; ông **Trần Văn C**, sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: Số A đường số E, thôn A, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số A đường số C, thôn C, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số B đường số E, thôn A, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/6/2024, Đơn đề nghị bổ sung thông tin đơn khởi kiện ngày 4/8/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị D và ông Trần Văn C trình bày: Do có quan hệ bà con giữa ông Trần Văn C và ông Trần Văn Đ (ông C là chú ruột của ông Đ), nên bà D và ông Đ có cho bà Trần Thị X là vợ của ông Đ vay 02 lần tiền, cụ thể như sau: Ngày 29/01/2023 vay số tiền 30.000.000 đồng, theo bà X nói là vay tiền để lo điều trị bệnh cho con, lần vay này không ghi giấy nợ. Đến ngày 4/2/2023 vay thêm số tiền 41.500.000 đồng, bà X nói vay để làm vốn buôn bán yến sào, vì lúc này vợ chồng bà X, ông Đ có mua bán yến sào tại nhà. Sau khi vay tiền lần 2, bà X có viết vay tiền, với nội dung: Bà Trần Thị X có CCCD số 060198006128, ở xóm C, thôn A có mượn cô Lê Thị D, thôn A, V số tiền 71.500.000 đồng. Đề ngày 4/2/2023 và có ký tên ghi Trần Thị X. Tuy trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1,6%/tháng và bà X đã trả lãi đến tháng 7/2023. Sau khi vay bà X không trả gốc và lãi từ tháng 8/2023 cho đến nay. Theo bà D, ông C thì việc bà X vay tiền ông Đ có biết, vì lúc này vợ chồng bà X vẫn sống với nhau bình thường. Đến khi có nhiều người đến đòi nợ bà X, thì ông Đ nói là không biết việc bà X vay tiền của bà D, ông C. Nay bà D, ông C yêu cầu bà X, ông Đ phải trả số tiền gốc 71.500.000 đồng và tiền theo quy định của pháp luật, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 Giấy vay tiền, có nội dung: Bà Trần Thị X có CCCD số 060198006128, ở xóm C, thôn A có mượn cô Lê Thị D, thôn A, V số tiền 71.500.000 đồng. Đề ngày 4/2/2023 và có ký tên ghi Trần Thị X.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ không đến tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà X, ông Đ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà X, ông Đ biết. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được ý kiến phản đối hay khiếu nại gì của bà X, ông Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án:

-Phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn và ông Đ không tuân thủ đúng quy định. Tại phiên tòa bị đơn và ông Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, nên xét xử vắng mặt.

-Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quan hệ được xác lập vào năm 2023, nên áp dụng Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bà Trần Thị X và ông Trần Văn Đ trả nợ vay 71.500.000 đồng là có căn cứ. Vì nguyên đơn đưa ra các chứng cứ "Giấy vay tiền" đề ngày 4/2/2023, thể hiện bà Trần Thị X có viết giấy

thừa nhận vay của bà D số tiền 71.500.000 đồng. Chứng cứ này trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo cho bà X, ông Đ biết rõ, nhưng đến nay bà X, ông Đ cũng không có ý kiến gì về chứng cứ và nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho bà X, ông Đ đến Tòa án tham gia hòa giải, nhưng bà X, ông Đ cũng không đến. Do đó căn cứ vào chứng do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Từ đó có căn cứ để buộc bà X và ông Đ phải chịu trách nhiệm trả nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Giấy vay tiền do bà X viết ghi ngày 4/2/2023, còn bà X và ông Đ chính thức có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án vào ngày 19/3/2024. Từ đó xác định số nợ 71.500.000 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà X và ông Đ. Do đó buộc bà X và ông Đ phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà D và ông C số tiền gốc 71.500.000 đồng là phù hợp Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện tại bà X và ông Đ đã ly hôn, do đó cần buộc mỗi người liên đới chịu nghĩa vụ trả nợ 50% là phù hợp.

[4] Về tiền lãi: Trong giấy vay tiền ngày 4/2/2023 không thể hiện có thỏa thuận về lãi và thời hạn vay. Còn theo bà D, ông C trình bày là: Tuy trong giấy vay không ghi lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng và bà X đã trả lãi cho bà D, ông C1 đến tháng 7/2023. Do bà X, ông Đ không đến tham gia tố tụng, nên không đối chất để xác định, mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận, nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, để tính lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, là phù hợp. Theo bà D, ông C, bà X đã trả lãi đến tháng 7/2023, nên thời gian tính lãi từ 1/8/2023 cho đến nay là phù hợp. Từ 01/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2024) là 13 tháng 29 ngày;

T lãi là: 71.500.000 đồng x 0,83% x $(13 + {}^{29}/_{30}) = 8.288.000$ đồng (đã làm tròn số).

[5] Về án phí: Bà X, ông Đ1 phải chịu án phí phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Trần Thị X và ông Trần Văn Đ liên đới trả cho bà Lê Thị D và ông Trần Văn C số tiền 79.788.000 đồng (bảy mươi chín triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng); trong đó tiền gốc 71.500.000 đồng, tiền lãi 8.288.000 đồng. Cụ thể bà Trần Thị X và ông Trần Văn Đ mỗi người phải trả cho bà Lê Thị D và ông Trần Văn C số tiền gốc là 35.750.000 đồng và tiền lãi là 4.144.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị X, ông Trần Văn Đ mỗi người phải chịu 1.994.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị D và ông Trần Văn C không phải chịu án phí, trả lại cho bà D, ông C 2.102.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004693, ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 30/9/2024, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái